

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả trúng tuyển trong kỳ kiểm tra,
sát hạch tiếp nhận vào làm viên chức đợt 1
(Đối với giáo viên mầm non hợp đồng lao động theo Nghị quyết số
19/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi bổ sung một số điều
của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy
định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP
ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
115/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành
nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND
tỉnh về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý công tác tổ chức,
cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 61/TTr-SNV ngày 30/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả trúng tuyển trong kỳ kiểm tra, sát hạch tiếp nhận
vào làm viên chức đợt 1 (giáo viên mầm non hợp đồng theo Nghị quyết số
19/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh) đối với **181** trường hợp:

(Có danh sách chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ quyết định tiếp nhận vào làm viên chức
theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thủ trưởng cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ; Chủ tịch
UBND xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên trong
danh sách kèm theo tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: LĐVP;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TIẾP NHẬN VÀO LÀM VIÊN CHỨC ĐỢT 1
(GIÁO VIÊN MẦM NON HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2017/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH)**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Kết quả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
			XÃ SON ĐỘNG Chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01										
1	1	0059	Hoàng Thị Hà	05/06/1994	Nữ	Trường Mầm non Hoa Sữa	Son Động	Cao đẳng	Giỏi	8.05	60	Trúng tuyển	
			XÃ DƯƠNG HƯU: Chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 02										
2	1	0285	Vương Thị Phương	09/10/1990	Nữ	MN Long Sơn	Dương Hưu	Đại học	Khá	7.63	92	Trúng tuyển	
3	2	0231	Vũ Thị Mùi	07/12/1991	Nữ	MN Long Sơn	Dương Hưu	Đại học	Khá	7.61	72	Trúng tuyển	
			XÃ LỤC NGẠN: Chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01										
4	1	0060	Ngô Thu Hà	05/05/1995	Nữ	Trường mầm non Đồng Cốc	Xã Lục Ngạn	Đại học	Khá	2.96	96	Trúng tuyển	
			XÃ BIÊN SƠN: Chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01										
5	1	0133	Trần Thị Huyền	18/06/1998	Nữ	MN Biên Sơn	Biên Sơn	Cao đẳng	Khá	2.96	66	Trúng tuyển	
			PHƯỜNG CHŨ: Chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01										
6	1	0033	Nguyễn Thị Diễm	04/12/1995	Nữ	Trường MN Thanh Hải số 1	Phường Chũ	Đại học	TBK	6.58	74	Trúng tuyển	
			PHƯỜNG PHƯỢNG SƠN: Chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01										
7	1	0347	Lưu Thị Thu	13/11/1987	Nữ	Trường MN số 1	Phường Phượng sơn	Đại học	Giỏi	3.28	94	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Kết quả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
			XÃ LỤC SON: Chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01										
8	1	0338	Nguyễn Thị Thắm	08/01/1992	Nữ	Trường mầm non Lục Sơn	Lục Sơn	Đại học	Giỏi	3.25	84	Trúng tuyển	
			XÃ TRƯỜNG SON: Chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 02										
9	1	0244	Phạm Thị Ngoan	07/07/1994	Nữ	Trường MN Vô Tranh số 2	Trường Sơn	Cao đẳng	Giỏi	3.28	96	Trúng tuyển	
10	2	0166	Bàn Thị Khánh	20/8/1990	Nữ	MN Trường Sơn	Trường Sơn	Đại học	Khá	2.73	96	Trúng tuyển	
			XÃ CẨM LÝ: Chỉ tiêu: 03; trúng tuyển: 03										
11	1	0027	Nguyễn Thị Chinh	25/9/1994	Nữ	MN Đan Hội	Cẩm Lý	Đại học	Giỏi	3.32	68	Trúng tuyển	
12	2	0246	Nguyễn Thị Minh	17/01/1994	Nữ	MN Đan Hội	Cẩm Lý	Đại học	Khá	3.11	66	Trúng tuyển	
13	3	0326	Nguyễn Thị Thảo	28/08/1994	Nữ	MN Vũ Xá	Cẩm Lý	Cao đẳng	Khá	3.18	60	Trúng tuyển	
			XÃ ĐÔNG PHÚ: Chỉ tiêu: 10; trúng tuyển: 04										
14	1	0260	Đoàn Thị Nhân	28/02/1994	Nữ	Trường MN Đông Phú	Đông Phú	Đại học	TBK	6.85	94	Trúng tuyển	
15	2	0014	Lục Thị Bé	28/03/1991	Nữ	Trường MN Đông Hưng	Đông Phú	Đại học	Khá	3.17	80	Trúng tuyển	
16	3	0334	Đoàn Thị Thắm	10/02/1990	Nữ	Trường MN Đông Phú	Đông Phú	Cao đẳng	Giỏi	3.23	78	Trúng tuyển	
17	4	0374	Nguyễn Thị Trang	14/10/1990	Nữ	Trường MN Đông Phú	Đông Phú	Cao đẳng	Khá	2.86	66	Trúng tuyển	
			XÃ NGHĨA PHƯƠNG: Chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01										
18	1	0125	Từ Thị Huệ	15/05/1990	Nữ	Trường mầm non Huyện Sơn	Nghĩa Phương	Cao đẳng	Khá	7.77	86	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Kết quả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
			XÃ LỤC NAM: Chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01										
19	1	0214	Nguyễn Thị Mai	10/07/1984	Nữ	Trường MN Tiên Nha	Lục Nam	Đại học	Khá	3.19	96	Trúng tuyển	
			XÃ BẮC LŨNG: Chỉ tiêu: 14; trúng tuyển: 06										
20	1	0117	Giáp Thị Hồng	15/04/1995	Nữ	Trường MN Yên Sơn	Bắc Lũng	Đại học	TBK	6.87	86	Trúng tuyển	
21	2	0278	Nguyễn Thị Oanh	26/10/1993	Nữ	Trường MN Bắc Lũng	Bắc Lũng	Đại học	Khá	3.17	84	Trúng tuyển	
22	3	0233	Dương Thị Mùi	10/02/1991	Nữ	Trường MN Bắc Lũng	Bắc Lũng	Đại học	Khá	7.38	56	Trúng tuyển	
23	4	0087	Nguyễn Thị Hiên	28/10/1989	Nữ	Trường MN Yên Sơn	Bắc Lũng	Cao đẳng	Giỏi	3.23	54	Trúng tuyển	
24	5	0407	Dương Thị Xuân	10/06/1995	Nữ	Trường MN Bắc Lũng	Bắc Lũng	Đại học	Khá	3.05	50	Trúng tuyển	
25	6	0215	Đào Thị Mai	19/12/1989	Nữ	Trường MN Bắc Lũng	Bắc Lũng	Đại học	Giỏi	8.60	50	Trúng tuyển	
			XÃ BẢO ĐÀI: Chỉ tiêu: 15; trúng tuyển: 04										
26	1	0275	Nguyễn Thị Như	29/12/1994	Nữ	Trường MN Tam Dị	Bảo Đài	Cao đẳng	Giỏi	3.28	76	Trúng tuyển	
27	2	0348	Ngô Thị Thu	25/08/1991	Nữ	Trường MN Tam Dị	Bảo Đài	Cao đẳng	Giỏi	3.22	72	Trúng tuyển	
28	3	0005	Bùi Hồng Anh	21/03/1996	Nữ	Trường MN Tam Dị	Bảo Đài	Cao đẳng	Giỏi	7.95	62	Trúng tuyển	
29	4	0187	Tổng Thùy Linh	04/06/1996	Nữ	Trường MN Tam Dị	Bảo Đài	Đại học	Khá	3.09	60	Trúng tuyển	
			XÃ LẠNG GIANG: Chỉ tiêu: 13; trúng tuyển: 13										
30	1	0346	Nguyễn Thị Thơm	19/11/1996	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7.42	96	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Kết quả	Ghi chú	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
31	2	0012	Nguyễn Thị Ân	28/02/1990	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	Giỏi	3.34	96	Trúng tuyển		
32	3	0225	Lý Thị Minh	11/06/1989	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7.85	96	Trúng tuyển		
33	4	0378	Nguyễn Thị Trang	02/08/1991	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Đại học	TBK	6.72	96	Trúng tuyển		
34	5	0395	Phạm Thị Vân	08/02/1983	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	TBK	6.72	94	Trúng tuyển		
35	6	0074	Phan Thị Bích Hằng	16/09/1996	Nữ	Mầm non Vôi số 2	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2.89	90	Trúng tuyển		
36	7	0178	Trần Thị Lệ	03/09/1988	Nữ	Mầm non Vôi số 1	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2.71	88	Trúng tuyển		
37	8	0216	Nguyễn Thị Mai	27/06/1994	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Đại học	TBK	6.50	86	Trúng tuyển		
38	9	0265	Giáp Thị Nhung	21/11/1990	Nữ	Mầm non Tân Hưng	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Khá	7.09	80	Trúng tuyển		
39	10	0200	Trần Thị Lụa	04/10/1994	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Giỏi	3.54	80	Trúng tuyển		
40	11	0075	Lương Thị Hằng	20/03/1994	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Đại học	Khá	2.94	80	Trúng tuyển		
41	12	0076	Nguyễn Kim Hằng	30/10/1992	Nữ	Mầm non Xương Lâm	Xã Lạng Giang	Đại học	Giỏi	3.29	80	Trúng tuyển		
42	13	0376	Bùi Thị Kiều Trang	14/08/1993	Nữ	Mầm non Vôi số 2	Xã Lạng Giang	Cao đẳng	Giỏi	8.13	76	Trúng tuyển		
			XÃ MỸ THÁI: Chỉ tiêu: 14; trúng tuyển: 14											Bổ sung 01 chỉ tiêu
43	1	0266	Đông Thị Nhung	08/09/1995	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Đại học	TB	2.43	96	Trúng tuyển		
44	2	0261	Nguyễn Thị Nhàn	16/08/1987	Nữ	MN Dương Đức	Mỹ Thái	Cao đẳng	Giỏi	3.55	94	Trúng tuyển		
45	3	0379	Vũ Thị Hà Trang	18/9/1997	Nữ	MN Xuân Hương	Mỹ Thái	Đại học	Giỏi	3.42	90	Trúng tuyển		

STT	TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Kết quả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
46	4	0088	Hoàng Thị Hiền	22/7/1991	Nữ	MN Mỹ Thái	Mỹ Thái	Đại học	Giỏi	3.21	84	Trúng tuyển	
47	5	0280	Hà Kiều Oanh	02/01/1996	Nữ	MN Mỹ Thái	Mỹ Thái	Đại học	Khá	3.06	82	Trúng tuyển	
48	6	0328	Bùi Thị Thảo	29/05/1995	Nữ	MN Mỹ Thái	Mỹ Thái	Đại học	Khá	2.55	80	Trúng tuyển	
49	7	0369	Hoàng Thị Thuyên	08/02/1994	Nữ	MN Dương Đức	Mỹ Thái	Đại học	Khá	2.79	72	Trúng tuyển	
50	8	0218	Ngô Thị Mai	10/02/1992	Nữ	MN Dương Đức	Mỹ Thái	Cao đẳng	Giỏi	3.26	72	Trúng tuyển	
51	9	0197	Đỗ Thị Lộc	29/08/1987	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Đại học	Khá	2.97	70	Trúng tuyển	
52	10	0224	Ngô Thị Miên	29/01/1993	Nữ	MN Dương Đức	Mỹ Thái	Cao đẳng	Giỏi	3.23	70	Trúng tuyển	
53	11	0006	Nguyễn Thị Lan Anh	21/11/1991	Nữ	MN Tân Thanh	Mỹ Thái	Đại học	TBK	6.51	68	Trúng tuyển	
54	12	0199	Hoàng Thị Lợi	26/02/1991	Nữ	MN Mỹ Thái	Mỹ Thái	Đại học	Khá	3.18	66	Trúng tuyển	
55	13	0281	Nguyễn Thị Oanh	05/04/1988	Nữ	MN Xuân Hương	Mỹ Thái	Đại học	Giỏi	3.33	62	Trúng tuyển	
56	14	0121	Hoàng Thị Huệ	18/05/1978	Nữ	MN Mỹ Thái	Mỹ Thái	Đại học	Giỏi	3.24	62	Trúng tuyển	
			XÃ KÉP: Chỉ tiêu: 10; trúng tuyển: 9										
57	1	0242	Hoàng Thị Ngát	17/8/1997	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Cao đẳng	Khá	3.16	86	Trúng tuyển	
58	2	0040	Hà Phương Dung	13/11/1993	Nữ	MN Quang Thịnh	Xã Kép	Cao đẳng	Khá	3.10	82	Trúng tuyển	
59	3	0268	Nguyễn Thị Kim Nhung	23/8/1994	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Cao đẳng	Khá	7.02	80	Trúng tuyển	
60	4	0269	Đặng Thị Nhung	19/09/1992	Nữ	MN Quang Thịnh	Xã Kép	Đại học	TB	2.09	80	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Kết quả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
61	5	0015	Đào Thị Bích	10/01/1992	Nữ	MN Quang Thịnh	Xã Kép	Cao đẳng	Xuất sắc	3.63	80	Trúng tuyển	
62	6	0054	Trần Thị Đoàn	18/02/1990	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Cao đẳng	Giỏi	3.54	76	Trúng tuyển	
63	7	0177	Dương Thị Len	02/9/1986	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Cao đẳng	Giỏi	3.55	70	Trúng tuyển	
64	8	0127	Tăng Thị Thu Huệ	03/5/1993	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Đại học	TB	2.45	66	Trúng tuyển	
65	9	0295	Đào Minh Quy	29/7/1991	Nữ	MN Kép	Xã Kép	Đại học	Khá	7.53	52	Trúng tuyển	
XÃ TÂN DĨNH: Chỉ tiêu: 08; trúng tuyển: 07													
66	1	0077	Ngô Thị Thu Hằng	02/10/1995	Nữ	MN Tân Dĩnh	Tân Dĩnh	Cao đẳng	Khá	2.94	96	Trúng tuyển	
67	2	0298	Hoàng Thị Quyên	18/02/1986	Nữ	MN Đại Lâm	Tân Dĩnh	Cao đẳng	Giỏi	3.23	96	Trúng tuyển	
68	3	0019	Dương Thị Cúc	19/09/1989	Nữ	MN Đại Lâm	Tân Dĩnh	Đại học	Khá	2.71	96	Trúng tuyển	
69	4	0109	Hán Thị Phương Hoa	18/05/1994	Nữ	MN Thái Đào	Xã Tân Dĩnh	Đại học	TBK	6.61	96	Trúng tuyển	
70	5	0345	Lê Thị Thoi	02/11/1989	Nữ	MN Thái Đào	Xã Tân Dĩnh	Cao đẳng	Khá	7.78	84	Trúng tuyển	
71	6	0344	Nguyễn Thị Thoi	10/08/1996	Nữ	MN Thái Đào	Xã Tân Dĩnh	Đại học	Khá	2.85	60	Trúng tuyển	
72	7	0085	Nguyễn Ngọc Hậu	05/08/1996	Nữ	MN Thái Đào	Xã Tân Dĩnh	Cao đẳng	Khá	7.93	50	Trúng tuyển	
XÃ TIÊN LỤC: Chỉ tiêu: 06; trúng tuyển: 06													Bổ sung 01 chỉ tiêu
73	1	0116	Phan Thị Học	16/11/1993	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Khá	7.50	96	Trúng tuyển	
74	2	0135	Bùi Thị Huyền	22/09/1980	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Giỏi	3.36	96	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Kết quả	Ghi chú	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
75	3	0270	Bùi Thị Nhung	09/08/1995	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 4	Tiên Lục	Cao đẳng	Giỏi	3.28	92	Trúng tuyển		
76	4	0380	Bùi Thị Trang	20/12/1994	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 4	Tiên Lục	Cao đẳng	Giỏi	3.31	92	Trúng tuyển		
77	5	0228	Trần Thị Mơ	21/05/1988	Nữ	Trường MN Tiên Lục số 1	Tiên Lục	Đại học	Khá	2.88	86	Trúng tuyển		
78	6	0029	Nguyễn Thị Chinh	21/11/1996	Nữ	MN Tiên Lục số 6	Tiên Lục	Cao đẳng	Khá	3.19	78	Trúng tuyển		
			XÃ NGỌC THIỆN: Chỉ tiêu: 03; trúng tuyển: 03											Bổ sung 01 chỉ tiêu
79	1	0021	Nguyễn Thị Hương Châm	29/06/1995	Nữ	MN Ngọc Vân	Ngọc Thiện	Đại học	Giỏi	3.32	96	Trúng tuyển		
80	2	0236	Nguyễn Thị Nga	12/04/1993	Nữ	MN Ngọc Vân	Ngọc Thiện	Đại học	Khá	2.84	96	Trúng tuyển		
81	3	0382	Dương Thị Trang	17/10/1990	Nữ	Trường MN Việt Ngọc	Ngọc Thiện	Đại học	Giỏi	3.47	90	Trúng tuyển		
			XÃ NHẢ NAM: Chỉ tiêu: 03; trúng tuyển: 03											
82	1	0207	Hoàng Thị Ly	14/08/1995	Nữ	Mầm Non Lương Văn Năm	Nhã Nam	Cao đẳng	Giỏi	8.02	96	Trúng tuyển		
83	2	0016	Phạm Thị Bích	28/02/1991	Nữ	Mầm Non Lương Văn Năm	Nhã Nam	Đại học	Giỏi	3.25	74	Trúng tuyển		
84	3	0137	Đỗ Thị Thanh Huyền	22/03/1987	Nữ	Mầm Non Lương Văn Năm	Nhã Nam	Đại học	Xuất sắc	3.78	60	Trúng tuyển		
			XÃ PHÚC HÒA: Chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01											
85	1	0020	Hoàng Thị Kim Cúc	09/02/1987	Nữ	Trường MN Liên Chung	Phúc Hoà	Cao đẳng	Khá	7.88	84	Trúng tuyển		
			XÃ QUANG TRUNG: Chỉ tiêu: 03; trúng tuyển: 02											
86	1	0188	Trần Nhật Linh	18/08/1995	Nữ	MN Lam Cốt	Quang Trung	Đại học	Khá	2.89	60	Trúng tuyển		

STT	TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Kết quả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
87	2	0095	Hà Thị Hiền	19/07/1988	Nữ	MN Đại Hóa	Quang Trung	Đại học	Giỏi	3.44	52	Trúng tuyển	
XÃ HỢP THỊNH: Chỉ tiêu: 20; trúng tuyển: 07													
88	1	0350	Nguyễn Thị Thu	24/8/1991	Nữ	MN Quang Minh	Hợp Thịnh	Cao đẳng	Khá	7.99	80	Trúng tuyển	
89	2	0362	Triệu Thị Thùy	21/06/1996	Nữ	MN Mai Trung số 2	Hợp Thịnh	Đại học	Khá	3.06	78	Trúng tuyển	
90	3	0089	Nguyễn Thị Hiên	16/02/1985	Nữ	MN Thái Sơn	Hợp Thịnh	Đại học	Khá	3.02	66	Trúng tuyển	
91	4	0031	Nguyễn Thị Chinh	22/10/1994	Nữ	MN Thái Sơn	Hợp Thịnh	Đại học	Khá	3.07	66	Trúng tuyển	
92	5	0410	Tạ Thị Xuân	21/7/1995	Nữ	MN Hợp Thịnh	Hợp Thịnh	Cao đẳng	Khá	3.09	62	Trúng tuyển	
93	6	0250	Nguyễn Hồng Ngọc	09/4/1997	Nữ	MN Hợp Thịnh	Hợp Thịnh	Cao đẳng	Giỏi	3.32	60	Trúng tuyển	
94	7	0337	Hoàng Thị Thắng	04/12/1990	Nữ	MN Quang Minh	Hợp Thịnh	Cao đẳng	Giỏi	3.22	52	Trúng tuyển	
XÃ HIỆP HOÀ: Chỉ tiêu: 21; trúng tuyển: 21													
95	1	0417	Nguyễn Thị Yên	22/10/1995	Nữ	MN thị trấn Thắng	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2.69	92	Trúng tuyển	
96	2	0138	Nguyễn Thị Bích	27/09/1995	Nữ	MN thị trấn Thắng	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2.99	84	Trúng tuyển	
97	3	0390	Chu Thuý Trinh	13/10/1995	Nữ	MN thị trấn Thắng	Hiệp Hoà	Đại học	Khá	2.94	84	Trúng tuyển	
98	4	0226	Nguyễn Thị Minh	20/08/1990	Nữ	MN Lương Phong số 2	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Khá	7.92	82	Trúng tuyển	
99	5	0013	Nguyễn Thị Bắc	21/12/1987	Nữ	MN Lương Phong số 2	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Giỏi	8.02	72	Trúng tuyển	
100	6	0182	Dương Thị Liên	02/01/1992	Nữ	MN Lương Phong số 2	Hiệp Hoà	Cao đẳng	Xuất sắc	3.62	72	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Kết quả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
116	1	0251	Nguyễn Thị Bích Ngọc	18/07/1995	Nữ	MN Hoàng Thanh	xã Hoàng Vân	Đại học	Giỏi	3.22	96	Trúng tuyển	
117	2	0333	Nguyễn Thị Thanh Thảo	30/09/1997	Nữ	MN Hoàng Thanh	xã Hoàng Vân	Đại học	Giỏi	3.25	86	Trúng tuyển	
118	3	0142	Nguyễn Thị Huyền	16/12/1987	Nữ	MN Ngọc Sơn	xã Hoàng Vân	Cao đẳng	Khá	2.89	84	Trúng tuyển	
119	4	0140	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	28/08/1996	Nữ	MN Hoàng Vân	xã Hoàng Vân	Cao đẳng	Khá	2.91	82	Trúng tuyển	
XÃ XUÂN CẨM: Chỉ tiêu: 31; trúng tuyển: 10													
120	1	0397	Đỗ Thị Vân	06/10/1995	Nữ	MN Hương Lâm	Xuân Cẩm	Cao đẳng	Khá	2.90	72	Trúng tuyển	
121	2	0257	Nguyễn Thị Nguyệt	12/08/1982	Nữ	MN Mai Đình	Xuân Cẩm	Cao đẳng	Giỏi	3.29	64	Trúng tuyển	
122	3	0024	Kiều Thị Chiêm	07/10/1981	Nữ	MN Bắc Lý	Xuân Cẩm	Cao đẳng	Khá	7.68	62	Trúng tuyển	
123	4	0172	Nguyễn Thị Lan	04/11/1996	Nữ	MN Bắc Lý	Xuân Cẩm	Đại học	TBK	6.45	56	Trúng tuyển	
124	5	0041	Phùng Thị Dung	12/03/1994	Nữ	MN Bắc Lý	Xuân Cẩm	Cao đẳng	Giỏi	3.44	54	Trúng tuyển	
125	6	0097	Ngô Thị Thu Hiền	01/06/1994	Nữ	MN Bắc Lý	Xuân Cẩm	Cao đẳng	Khá	7.20	54	Trúng tuyển	
126	7	0190	Nguyễn Thùy Linh	11/08/1997	Nữ	MN Bắc Lý	Xuân Cẩm	Cao đẳng	Khá	2.71	54	Trúng tuyển	
127	8	0309	Nguyễn Thị Tiên	28/01/1984	Nữ	MN Châu Minh	Xuân Cẩm	Đại học	Khá	2.85	54	Trúng tuyển	
128	9	0252	Đông Thị Ngọc	01/01/1993	Nữ	MN Hương Lâm	Xuân Cẩm	Cao đẳng	Khá	2.67	54	Trúng tuyển	
129	10	0017	Lê Thị Bích	15/01/1996	Nữ	MN Mai Đình	Xuân Cẩm	Cao đẳng	Giỏi	3.25	54	Trúng tuyển	
PHƯỜNG TỰ LẠN: Chỉ tiêu: 08; trúng tuyển: 08													

STT	TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Kết quả	Ghi chú	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
130	1	0358	Nguyễn Thị Thuý	10/03/1995	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tự Lạn	Đại học	Khá	3.04	96	Trúng tuyển		
131	2	0341	Ngô Thị Thịnh	17/05/1984	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tự Lạn	Cao đẳng	Khá	2.87	96	Trúng tuyển		
132	3	0022	Dương Thị Châm	25/9/1992	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tự Lạn	Đại học	Giỏi	3.33	90	Trúng tuyển		
133	4	0098	Đoàn Thị Hiền	29/4/1993	Nữ	MN Việt Tiến	P. Tự Lạn	Cao đẳng	TBK	6.95	86	Trúng tuyển		
134	5	0196	Chu Thị Long	15/08/1987	Nữ	MN Tự Lạn	P. Tự Lạn	Cao đẳng	Khá	2.80	84	Trúng tuyển		
135	6	0384	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/12/1994	Nữ	MN Hương Mai	P. Tự Lạn	Đại học	khá	7.72	78	Trúng tuyển		
136	7	0240	Nguyễn Thị Ngà	13/11/1992	Nữ	MN Tự Lạn	P. Tự Lạn	Đại học	Khá	3.16	64	Trúng tuyển		
137	8	0162	Nguyễn Thị Hường	01/02/1995	Nữ	MN Hương Mai	P. Tự Lạn	Cao đẳng	Khá	7.36	62	Trúng tuyển		
			PHƯỜNG VIỆT YÊN: Chỉ tiêu: 07; trúng tuyển: 06											
138	1	0335	Phạm Thị Thắm	28/01/1997	Nữ	Trường MN Hồng Thái	Phường Việt Yên	Cao đẳng	Khá	2.98	76	Trúng tuyển		
139	2	0008	Nguyễn Thị Ngọc Anh	02/02/1997	Nữ	Trường MN Hồng Thái	Phường Việt Yên	Cao đẳng	Khá	2.98	72	Trúng tuyển		
140	3	0114	Hoàng Thị Hòa	28/09/1995	Nữ	Trường MN Nghĩa Trung	Phường Việt Yên	Đại học	TBK	6.72	66	Trúng tuyển		
141	4	0386	Nguyễn Thị Minh Trang	03/02/1998	Nữ	Trường MN Hồng Thái	Phường Việt Yên	Đại học	Khá	2.68	58	Trúng tuyển		
142	5	0111	Doãn Thị Thanh Hoa	21/7/1993	Nữ	Trường MN Minh Đức	Phường Việt Yên	Đại học	Khá	2.79	56	Trúng tuyển		
143	6	0421	Trần Thị Hải Yên	25/11/1994	Nữ	Trường MN Bích Sơn	Phường Việt Yên	Đại học	Khá	7.43	50	Trúng tuyển		
			PHƯỜNG NẾNH: Chỉ tiêu: 18; trúng tuyển: 10											

STT	TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTK	Điểm sát hạch	Kết quả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
158	1	0160	Nguyễn Thị Hương	20/10/1989	Nữ	Trường MN Đức Giang	Xã Đồng Việt	Cao đẳng	Khá	2.89	94	Trúng tuyển	
159	2	0273	Ngụy Thị Nhung	12/10/1992	Nữ	Trường MN Đồng Việt	Xã Đồng Việt	Cao đẳng	Khá	7.29	82	Trúng tuyển	
PHƯỜNG BẮC GIANG: Chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01													
160	1	0253	Nguyễn Thị Ngọc	17/10/1991	Nữ	Trường Mầm non Dĩnh Kế	P. Bắc Giang	Đại học	Khá	7.70	96	Trúng tuyển	
PHƯỜNG ĐA MAI: Chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01													
161	1	0222	Dương Thị Mai	24/12/1996	Nữ	Trường Mầm non Mỹ Độ	Đa Mai	Cao đẳng	Khá	3.14	96	Trúng tuyển	
PHƯỜNG TÂN AN: Chỉ tiêu: 03; trúng tuyển: 03													
162	1	0301	Vũ Thị Quyên	14/03/1984	Nữ	Trường MN Quỳnh Sơn	P. Tân An	Đại học	Khá	2.80	94	Trúng tuyển	
163	2	0174	Nguyễn Thị Lan	26/5/1995	Nữ	Trường MN Lãng Sơn	P. Tân An	Đại học	Khá	2.80	82	Trúng tuyển	
164	3	0131	Vũ Thị Huệ	14/04/1995	Nữ	Trường MN Trí Yên	P. Tân An	Đại học	TBK	6.52	82	Trúng tuyển	
PHƯỜNG YÊN DŨNG: Chỉ tiêu: 01; trúng tuyển: 01													
165	1	0359	Nguyễn Thị Thủy	08/07/1989	Nữ	Trường MN Yên Lư	Yên Dũng	Đại học	Khá	2.80	74	Trúng tuyển	
PHƯỜNG TÂN TIẾN: Chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 02													
166	1	0082	Ngô Thị Thu Hằng	22/08/1996	Nữ	MN Tân Tiến	Tân Tiến	Đại học	Khá	2.96	72	Trúng tuyển	
167	2	0391	Nguyễn Thị Tròn	12/02/1974	Nữ	MN Hương Gián	Tân Tiến	Cao đẳng	Khá	7.38	60	Trúng tuyển	
XÃ TÂN YÊN: Chỉ tiêu: 03; trúng tuyển: 03													

STT	TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTk	Điểm sát hạch	Kết quả	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
168	1	0317	Trần Thị Tư	27/07/1994	Nữ	MN Cao Thượng	Tân Yên	Đại học	Xuất sắc	3.77	96	Trúng tuyển	
169	2	0042	Giáp Thị Dung	10/06/1982	Nữ	MN Việt Lập	Tân Yên	Đại học	Khá	3.04	96	Trúng tuyển	
170	3	0009	Giáp Thị Vân Anh	28/04/1996	Nữ	MN Cao Xá	Tân Yên	Cao đẳng	Giỏi	8.18	96	Trúng tuyển	
XÃ YÊN THẾ: Chỉ tiêu: 03; trúng tuyển: 03													
171	1	0352	Nguyễn Thị Thu	16/07/1993	Nữ	MN Hoàng Hoa Thám	xã Yên Thế	Đại học	Giỏi	3.38	94	Trúng tuyển	
172	2	0370	Tạ Thị Hiền Thư	01/07/1990	Nữ	MN Tân Hiệp	xã Yên Thế	Đại học	Khá	2.61	80	Trúng tuyển	
173	3	0025	Hoàng Thị Chiêm	25/05/1988	Nữ	MN Hoàng Hoa Thám	xã Yên Thế	Cao đẳng	Giỏi	8.06	60	Trúng tuyển	
XÃ BỐ HẠ: Chỉ tiêu: 05; trúng tuyển: 03													
174	1	0353	Vũ Thị Thu	02/8/1990	Nữ	MN Bố Hạ	Bố Hạ	Cao đẳng	Giỏi	3.36	60	Trúng tuyển	
175	2	0083	Vũ Thị Hằng	21/7/1994	Nữ	MN Bố Hạ	Bố Hạ	Đại học	TB	2.45	56	Trúng tuyển	
176	3	0284	Đào Thị Oanh	03/11/1984	Nữ	MN Bố Hạ	Bố Hạ	Cao đẳng	Khá	7.44	52	Trúng tuyển	
XÃ ĐỒNG KỶ: Chỉ tiêu: 02; trúng tuyển: 02													
177	1	0071	Hoàng Thị Hạnh	20/06/1984	Nữ	Trường MN Đồng Vượng	Đồng Kỳ	Cao đẳng	Giỏi	8.41	96	Trúng tuyển	
178	2	0223	Hoàng Thị Ngọc Mai	21/12/1988	Nữ	Trường MN Đồng Vượng	Đồng Kỳ	Cao đẳng	Khá	7.43	96	Trúng tuyển	
XÃ TAM TIẾN: Chỉ tiêu: 03; trúng tuyển: 03													
179	1	0425	Nguyễn Thị Hải Yên	07/01/1989	Nữ	Trường MN An Thượng	Tam Tiến	Đại học	Giỏi	3.21	74	Trúng tuyển	

STT	TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trường	Xã/phường	Trình độ	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm TBTk	Điểm sát hạch	Kết quả	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>
180	2	0294	Bồ Thị Phượng	26/04/1994	Nữ	Trường MN Tiến Thắng	Tam Tiến	Đại học	Khá	7.45	68	Trúng tuyển	
181	3	0313	Đào Thị Tuyền	23/05/1990	Nữ	Trường MN An Thượng	Tam Tiến	Đại học	Khá	2.65	58	Trúng tuyển	